

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 6136 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của Thành ủy Hà Nội về “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”;

Căn cứ Thông báo số 801/TB-TU ngày 23/6/2017 về Kết luận của Thường trực Thành ủy về Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Hà Nội triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của Thành ủy Hà Nội về “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6206/TTr-STNMT-KTTV&BĐKH ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án); Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên bảo vệ môi trường làng nghề thực hiện đến năm 2020 và giai đoạn 2020-2030.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai Đề án và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về UBND Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Các Sở: Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; Công an Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã (nơi có Làng nghề), chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện nhiệm vụ được giao

gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức triển khai thực hiện các nhóm giải pháp của Đề án có hiệu quả, tiết kiệm;

Sở Kế hoạch Đầu tư chủ trì trình bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn theo quy định; Sở Tài chính phối hợp cân đối bố trí nguồn vốn đảm bảo ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

Căn cứ danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên bảo vệ môi trường làng nghề thực hiện đến năm 2020 và giai đoạn 2020-2030 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định này, các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổng hợp kinh phí thực hiện hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách Thành phố (ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp quận, huyện, thị xã) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc; Công an Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3; /
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP; /
- Chủ tịch UBND Thành phố; /
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; /
- Các PCT UBND Thành phố; /
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH Thành phố, HĐND TP; /
- CVP, PCVP Phạm Văn Chiến; /
- TH, ĐT (b, chiến, oanh), TKBT; /
- Lưu: VT. /

34388

(60)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

ĐỀ ÁN

**Bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~6136~~ 6136/QĐ-UBND ngày 31 / 8 /2017
của UBND thành phố Hà Nội)*

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Những năm qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế, sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn Thành phố cũng có sự gia tăng nhanh chóng. Theo Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 do Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội thực hiện và các nguồn số liệu khác, hiện nay Hà Nội có tới 1.350 làng nghề và làng có nghề. Theo cơ sở dữ liệu từ Cổng thông tin điện tử của Sở Công thương, số làng nghề đã đăng ký và được công nhận đến hết năm 2016 là 297 làng nghề. Hoạt động sản xuất làng nghề của Hà Nội đã thu hút được gần 1 triệu lao động tham gia sản xuất trong đó hơn 700.000 lao động thường xuyên, chiếm hơn 64% tổng số lao động trong độ tuổi của làng và chiếm hơn 42% tổng số lao động sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên toàn Thành phố. Số lượng các đơn vị sản xuất kinh doanh trong làng nghề có khoảng 168.676 hộ sản xuất, 2.063 công ty cổ phần, 4.562 công ty TNHH, 1.466 doanh nghiệp tư nhân, 164 HTX và 50 hội, hiệp hội. Số lao động trong các làng nghề được công nhận là hơn 300.000 người, thu nhập bình quân của một lao động làm nghề CN-TTCN trong các làng nghề cao hơn từ 2 - 2,5 lần so với sản xuất nông nghiệp (thuần nông). Năm 2015, giá trị sản xuất của khu vực làng nghề đạt trên 7.658 tỷ đồng, chiếm 8,4% giá trị sản xuất công nghiệp toàn Thành phố, trong đó: giá trị sản xuất của 274 làng nghề được công nhận đạt trên 6.077 tỷ đồng.

Trong số 176 CCN làng nghề được quy hoạch, đã có 49 cụm (470 ha), xây dựng hạ tầng, cấp phép hoạt động cho 5.870 dự án, bình quân đạt 800m2/dự án, trong đó có 2.000 dự án đã hoạt động. Theo Sở Công thương, quy hoạch các cụm làng nghề còn nhỏ lẻ (7,4ha/cụm), thậm chí có cụm diện tích 1 ha, lại dàn trải, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

Với quy mô làng nghề như vậy, Hà Nội là địa phương có số lượng làng nghề lớn nhất cả nước với đa dạng các ngành nghề, bao trùm hầu hết các lĩnh vực sản xuất đặc trưng của làng nghề ở Việt Nam. Làng nghề được phân theo 8 loại hình sản xuất

chính: chế biến lương thực, thực phẩm; thủ công, mỹ nghệ; nhuộm, thuộc da; tái chế chất thải; gia công cơ kim khí; sản xuất vật liệu xây dựng; chăn nuôi, giết mổ gia súc; loại hình khác. Thời gian qua, nhiều làng nghề truyền thống được khôi phục trở lại và nhiều làng nghề mới ra đời, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, thu hút một số lượng lớn lao động nhàn rỗi ở nông thôn, giải quyết được cơ bản lao động dư thừa tại các địa phương, tỷ trọng đóng góp cho ngân sách Nhà nước ngày một tăng lên theo đà phát triển.

Tuy nhiên, đa số các làng nghề chỉ tập trung vào việc sản xuất kinh doanh, với đặc trưng là sản xuất quy mô nhỏ lẻ với công nghệ lạc hậu và thiết bị đơn giản, thủ công, hiệu quả sử dụng nhiên liệu thấp, mặt bằng sản xuất hạn chế, việc đầu tư cho xây dựng các hệ thống bảo vệ môi trường như xử lý, giảm thiểu chất thải (lông, rắn và khí) từ các quá trình sản xuất rất ít được quan tâm; ý thức bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cho chính gia đình và cộng đồng của người lao động còn rất hạn chế.

Số liệu quan trắc của Trung tâm Quan trắc và Phân tích Tài nguyên và Môi trường (CENMA) với 22 cụm và 22 làng nghề trên địa bàn Thành phố trong giai đoạn 2012-2015, Kết luận kiểm tra về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội của Tổng cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường (509/KLKTr-TCMT ngày 04 tháng 9 năm 2015) và các số liệu quan trắc môi trường làng nghề khác từ 2007 đến nay cho thấy: Môi trường không khí ở một số làng nghề có nồng độ bụi vượt 1,4-6,7 lần giới hạn; các làng nghề cơ khí có nồng độ các kim loại nặng nhiều nơi vượt giới hạn cho phép về môi trường như As vượt đến 1,8 lần, Cr vượt gần 12 lần; nồng độ nhiều chất hữu cơ độc hại trong không khí vượt giới hạn như Benzene vượt từ 1,1 đến 1,4 lần, Acetone vượt đến 12 lần.

Môi trường nước thải tại 05 làng nghề đã điều tra khảo sát có các chỉ tiêu như COD, BOD, Nitrat, Amonidều vượt giới hạn, có nơi vượt đến 14,4-17,2 lần; chỉ tiêu vi sinh Coliform vượt hơn một trăm lần. Một số làng nghề dệt nhuộm và cơ kim khí bị ô nhiễm bởi một số kim loại nặng như Cr^{6+} vượt 8,1-9,4 lần, Ni vượt 9,7 lần, Fe vượt 8,0-53,5 lần, Hg vượt 1,1-7,7 lần, Zn vượt 36 lần... Nước ngầm ở các khu vực này cũng chịu tác động từ ô nhiễm nước thải, nhất là đối với các chỉ tiêu ô nhiễm chất hữu cơ, xuất hiện ô nhiễm vi sinh trong nước ngầm ở mức khá nghiêm trọng. Các lưu vực sông tiếp nhận nước thải đang chịu tác động lớn từ hoạt động sản xuất làng nghề.

Năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc, phân tích chất lượng nước mặt sông Nhuệ, sông Đáy vào 2 mùa (mùa mưa và mùa khô). Kết quả cho thấy: Chất lượng nước mặt sông Đáy tại 20 vị trí (từ đập Cẩm Đình đến cầu Tình Nam, từ cầu Mai Lĩnh đến cầu Ba Thá, từ cầu phao Vĩnh Thượng đến

Tiên Mai); chất lượng nước mặt sông Nhuệ (từ đập Liên Mạc đến Cầu Chiếu, Hiền Giang, từ Cầu Là đến điểm hợp lưu sông Măng Giang) đã bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ (BOD5, COD), tổng Ni- tơ, tổng Phốt pho, Coliform. Phần lớn chất lượng mẫu nước sông các vị trí sông Nhuệ, sông Đáy chảy qua các khu vực đông dân cư và sau các điểm hợp lưu với sông khác đều có thông số ô nhiễm môi trường vượt quy chuẩn cho phép.

Mặc dù hoạt động sản xuất làng nghề phát sinh ô nhiễm cao như vậy nhưng tại khu vực này hầu như không có công trình xử lý chất thải phù hợp và đặc điểm chung của các làng nghề về công tác bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Hầu hết các cơ sở sản xuất với quy mô hộ gia đình, đặt tại nhà và nằm trong khu dân cư nên việc thu gom và xử lý chất thải rất khó khăn. Đa số các làng nghề chưa đầu tư bất kỳ giải pháp nào để giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước thải, bụi, chất thải rắn, nước thải sản xuất được thải chung với nước thải sinh hoạt của làng vào hệ thống thoát nước mặt.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề xảy ra ở các dạng phổ biến sau đây:

- Ô nhiễm nước: tại các làng nghề chưa có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải được đổ trực tiếp ra hệ thống cống rãnh chung hoặc ra sông. Nước thải chủ yếu là quá trình xử lý công nghiệp như: chế biến lương thực thực phẩm, mây tre, dệt, in, gia công kim loại, tẩy và nhuộm... Nước thải ra bị nhiễm màu nặng và gây ra hiện tượng đổi màu đối với dòng mương, sông nhận nước thải, có mùi rất khó chịu; Hơn nữa là sự vượt quá tiêu chuẩn cho phép đối với các hàm lượng BOD, COD, SS, và coliform, các kim loại nặng... ở cả nước mặt và nước ngầm, làm chết các sinh vật thủy sinh và chứa các mầm bệnh nguy hại cho con người.

- Ô nhiễm không khí gây bụi, mùi, tiếng ồn và nóng do sử dụng than và củ chủ yếu trong sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất gốm sứ; Môi trường không khí bị ô nhiễm có tính cục bộ tại nơi trực tiếp sản xuất, nhất là ô nhiễm bụi vượt tiêu chuẩn cho phép và ô nhiễm do sử dụng nhiên liệu than củi.

- Ô nhiễm chất thải rắn do tái chế nguyên liệu (nhựa, kim loại...) hoặc do bã thải của các loại thực phẩm (sắn, dong), các loại rác thải thông thường: nhựa, túi nilon, giấy, hộp, vỏ lon, kim loại và các loại rác thải khác thường được đổ ra bất kỳ dòng nước hoặc khu đất trống nào; Làm cho nước ngầm và đất bị ô nhiễm các chất hóa học độc hại, ảnh hưởng tới sức khỏe của con người; Nhiều dòng sông chảy qua các làng nghề hiện nay đang bị ô nhiễm nặng; nhiều ruộng lúa, cây trồng bị giảm năng suất do ô nhiễm từ làng nghề.

Nguyên nhân của thực trạng ô nhiễm làng nghề hiện nay là thiếu mặt bằng sản xuất và sản xuất hỗn hợp nhiều loại hình khác nhau; Làng nghề thường tập trung chủ yếu ở các nơi dân cư đông đúc, gần các đô thị, dọc theo bờ sông hay gần đường giao thông nên thiếu mặt bằng sản xuất; Các cơ sở sản xuất nằm xen kẽ trong khu dân cư gây khó khăn cho việc bố trí xử lý chất thải. Mặt khác, làng nghề phát triển với nhiều loại hình đa dạng như: chế biến thực phẩm, tái chế, dệt nhuộm, thủ công mỹ nghệ, đan lát... làm đa dạng nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường; Công nghệ sản xuất lạc hậu, chất thải chưa qua xử lý đã thải vào môi trường; Đây là điểm dễ nhận thấy ở phần lớn làng các làng nghề. Máy móc thiết bị cũ kỹ (sản xuất từ những năm 50- 60), chấp vá dẫn đến tình trạng tiêu hao năng lượng và thừa nguyên vật liệu sản xuất gây ô nhiễm; Ý thức môi trường của người dân tại khu vực làng nghề còn thấp; Vì lợi ích kinh tế họ sẵn sàng “lờ đi” tình trạng ô nhiễm hiện tại, trình độ học vấn và chuyên môn thấp. Một trong những nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm kể trên còn là do các cơ sở sản xuất kinh doanh ở các làng nghề còn manh mún, nhỏ lẻ, phân tán, phát triển tự phát, không đủ vốn và không có công nghệ xử lý chất thải phù hợp: Đối với nước thải khoảng 35,6% hộ gia đình không xử lý, 60% còn lại chỉ có hệ thống xử lý thô sơ. Một số công trình nghiên cứu thử nghiệm xử lý nước thải làng nghề đã được triển khai nhưng hiệu quả còn thấp và kém ổn định, các công trình xử lý nước thải tập trung của làng nghề hầu hết chưa được đầu tư, một vài điểm đang đầu tư nhưng chưa thực sự đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, ý thức của chính người dân làm nghề cũng chưa tự giác thực hiện các quy định của pháp luật trong các khâu thu gom, xử lý, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường tại các làng nghề...; Nếu không có các giải pháp ngăn chặn kịp thời thì tổn thất đối với toàn xã hội sẽ ngày càng lớn, vượt xa giá trị kinh tế mà các làng nghề đem lại như hiện nay.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND và UBND thành phố Hà Nội, các Sở, ngành, quận, huyện đã tích cực quan tâm chỉ đạo, đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và phát triển làng nghề, nhưng kết quả đạt được vẫn còn hạn chế ở một số mặt; công tác quản lý môi trường và xử lý ô nhiễm tại các làng nghề Hà Nội chưa đạt được các chỉ tiêu đề ra. Nhìn chung, việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố còn gặp nhiều khó khăn, bất cập như sau:

a. Cơ chế chính sách về môi trường làng nghề chưa thực sự phù hợp: các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành mặc dù quy định chi tiết việc quản lý và đánh giá ô nhiễm môi trường nhưng chưa phù hợp với đặc điểm sản xuất tại các làng nghề. Các đề án xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề thường phân tán, thiếu trọng tâm, trọng điểm; chậm triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện; năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường địa phương và nguồn lực dành cho việc triển khai

thực hiện còn hạn chế, công tác xã hội hóa đầu tư hạ tầng và thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề hầu như chưa được triển khai.

b. Mặc dù đã có quy hoạch nhưng các làng nghề của Hà Nội chủ yếu vẫn phát triển tự phát; chưa được quản lý thống nhất; nhiều làng nghề truyền thống đang dần mai một; các làng nghề mới xuất hiện và phát triển tự phát theo nhu cầu xã hội, lợi nhuận; việc kiểm soát ô nhiễm môi trường yếu kém, đặc biệt ở khu vực nông thôn, đang đe dọa tới an ninh môi trường của Hà Nội.

c. Với nhiều loại hình sản xuất làng nghề, tình trạng ô nhiễm môi trường có xu hướng ngày càng gia tăng, tác động đến nguồn tài nguyên tự nhiên sẵn có và tạo ra các áp lực cho cộng đồng cũng như hình thành xung đột giữa các nhóm lợi ích trên cùng địa bàn. Ô nhiễm môi trường ở các làng nghề đã tác động không nhỏ đến sức khỏe dân cư, gia tăng chi phí y tế cộng đồng, đe dọa an ninh sức khỏe của con người, làm giảm tính hấp dẫn của du lịch Hà Nội nói chung và du lịch tham quan các làng nghề tại Hà Nội nói riêng.

d. Hoạt động quan trắc đánh giá ô nhiễm môi trường làng nghề mặc dù được Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai liên tục trong nhiều năm nhưng kết quả đạt được chưa phản ánh đủ bức tranh ô nhiễm làng nghề của Thành phố. Từ 2007-2016 mới thực hiện quan trắc chưa tới 90 làng nghề, đạt tỷ lệ rất thấp (khoảng 6,6%) so với tổng số 1.350 làng nghề của Hà Nội. Tần suất quan trắc lấy mẫu từ 1-2 lần/năm thấp hơn nhiều so với quy định tại Quyết định 16/2007/QĐ-TTg hay Thông tư 28/2011/TT-BTNMT quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường.

Như vậy, vấn đề ô nhiễm môi trường làng nghề đã và đang là vấn đề bức xúc cần được quan tâm và giải quyết một cách tổng thể và bền vững. Sự thành công của Đề án bảo vệ môi trường làng nghề có thể thúc đẩy các cơ sở làng nghề, các cấp quản lý thay đổi nhận thức nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường làng nghề, hướng tới đảm bảo an ninh môi trường và an ninh con người, góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn một cách bền vững.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị quyết số 19/2011/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2011 kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa 13 về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về môi trường tại các khu kinh tế, làng nghề;

2. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 do Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 23/6/2014;

3. Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 do Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 21/11/2012;

4. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

5. Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến 2030;

6. Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

7. Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội về quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 khẳng định định hướng “đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường, duy trì chất lượng sống khu vực dân cư tại địa phương có làng nghề”.

8. Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Đề án Bảo tồn Phát triển Nghề và Làng nghề nhằm bảo tồn và phát triển nét văn hóa của làng nghề Hà Nội cũng như xây dựng lộ trình xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như khắc phục ô nhiễm tại các làng nghề trong giai đoạn 2010 – 2020;

9. Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

10. Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề án các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp bảo vệ môi trường thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

11. Quyết định số 8044/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Đề án: các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp bảo vệ môi trường thành phố Hà Nội đến năm 2020;

12. Quyết định số 31/02014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội;

13. Quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

14. Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 31/12/2015 của UBND Thành phố về việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

15. Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về “ Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

16. Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Hà Nội triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về “ Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

III. QUAN ĐIỂM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Việc triển khai công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đối mặt với rất nhiều thách thức và có tính đặc thù: đòi hỏi nguồn lực để thực hiện rất lớn, mối quan hệ hài hòa giữa công tác bảo vệ môi trường và phát triển làng nghề. Do đó quan điểm về bảo vệ môi trường làng nghề ngoài việc thực hiện các quy định pháp lý hiện hành còn cần phù hợp với đặc điểm riêng của Hà Nội, cụ thể:

1. Bảo vệ môi trường làng nghề là trách nhiệm chung của các cơ quan, ban, ngành, đặc biệt là chính quyền địa phương các cấp, các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh tại làng nghề, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư.

2. Bảo vệ môi trường làng nghề cần phải áp dụng đồng bộ các giải pháp (luật pháp, chính sách; khoa học - công nghệ; kinh tế và quản trị...).

3. Bảo vệ môi trường làng nghề phải gắn kết, hài hòa giữa tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường với duy trì đời sống văn hóa truyền thống, tinh thần và ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương; hỗ trợ làng nghề phát triển theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường.

4. Bảo vệ môi trường làng nghề phải song hành giữa ngăn chặn việc phát sinh mới các nghề sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư và xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng.

IV. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát:

a. Tăng cường mạnh mẽ thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong quản lý và phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội; hoàn thiện hệ thống quản lý môi trường nhằm tăng cường năng lực quản lý giám sát và khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề; ngăn chặn việc phát sinh các làng nghề gây ô nhiễm môi trường mới; nâng cao nhận thức cộng đồng làng nghề gắn sản xuất với trách nhiệm về môi trường; từng bước khắc phục, cải thiện tiến tới giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn một cách bền vững.

b. Đề án bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội cụ thể hóa các nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch 235/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội. Đồng thời đề án phù hợp với các văn bản pháp lý khác đã ban hành của Trung ương và của Thành phố. Đề án sẽ ngăn chặn và từng bước cải tạo tình trạng ô nhiễm môi trường đồng thời góp phần duy trì thúc đẩy và phát triển bền vững các làng nghề trên địa bàn Thành phố.

c. Đảm bảo đến năm 2030, cơ bản các làng nghề trên địa bàn Thành phố đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Giai đoạn 2017-2020

- Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo vệ môi trường làng nghề để triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- Khảo sát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và xây dựng các cơ chế và chính sách phù hợp để triển khai thành công các dự án cấp bách trong việc đầu tư – xây dựng – vận hành các mô hình thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn và chất thải lỏng, khí thải tại các làng nghề. Xây dựng cơ chế ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư trong việc huy động nguồn vốn xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng làng nghề gắn sản xuất với trách nhiệm về môi trường đồng thời triển khai đánh giá, phân loại làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội theo tiêu chí đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể 08 loại hình sản xuất và phân loại cơ sở trong làng nghề trên địa bàn các xã, huyện trên cơ sở thông số ô nhiễm đặc thù theo thành phần môi trường như: Nước mặt, đất, không khí; phân loại mức độ ô nhiễm theo hệ số ô nhiễm (không ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc ô nhiễm môi trường nghiêm trọng). Giai đoạn 2017 – 2020 tiến hành rà soát đánh giá, phân loại 80 làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm (Phụ lục 1) để đề xuất danh sách các làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng và danh mục các dự án xử lý ô nhiễm cho từng loại hình sản xuất tại các làng nghề.

- Thiết kế mạng lưới quan trắc và đầu tư xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống quan trắc tự động phục vụ kiểm soát ô nhiễm tại 80 làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 (có danh sách kèm theo tại phụ lục 1).

- Triển khai đầu tư xây dựng và vận hành các mô hình thí điểm xử lý ô nhiễm theo công nghệ tiên tiến và phù hợp với các nhóm làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo các loại hình sản xuất khác nhau được đầu tư theo mô hình dự án cấp bách được Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí.

- Phù hợp với mục tiêu tại Quyết định số 557/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ như: 100% các cơ sở sản xuất trong làng nghề chưa được công nhận có biện pháp xử lý chất thải theo quy định hoặc lập kế hoạch di dời vào khu, CCN làng nghề hoặc chấm dứt hoạt động; di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất thuộc nhóm giấy tái chế, tái chế kim loại, tái chế nhựa, nhuộm, giết mổ gia súc và các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoạt động trong khu dân cư vào khu, cụm công nghiệp làng nghề.

b. Định hướng từ 2020 đến 2030

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo vệ môi trường làng nghề để triển khai đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

- Nghiên cứu, hỗ trợ về cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp và tổ chức để tiến hành phân loại, tái chế chất thải; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

- Tiếp tục xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quan trắc và tích hợp cơ sở dữ liệu liên ngành, trực tuyến, phục vụ công tác quản lý bảo vệ môi trường đối với các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Bảo đảm 100% các làng nghề của Hà Nội được công nhận đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường; khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.

V. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách

a) Triển khai các văn bản quy định, chính sách về phát triển làng nghề. Hoàn thiện các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố, tạo điều kiện cho các hộ, cơ sở sản xuất tại làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Đề xuất phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với đối tượng làng nghề phù hợp các văn bản pháp lý và đặc điểm làng nghề Hà Nội và xây dựng cơ chế vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm phải trả tiền xử lý nước thải.

b) Xây dựng quy trình thủ tục và phân bổ nguồn lực thực hiện đánh giá phân loại ô nhiễm đối với cơ sở sản xuất trong làng nghề.

c) Xây dựng phương án đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo việc phát triển bền vững tại khu vực làng nghề.

d) Tăng cường việc giám sát, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường từ cấp huyện, xã đến các cơ sở sản xuất và người dân tại khu vực làng nghề.

e) Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, phương án khuyến khích thu hút vốn đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách và xã hội hóa vào công trình bảo vệ môi trường tại làng nghề và cụm công nghiệp đến năm 2020 tập trung cho các nghề được ưu tiên.

f) Đánh giá tính hình kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển làng nghề ban hành theo quyết định số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố, đề xuất điều chỉnh bổ sung với HĐND Thành phố các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển làng nghề, bảo vệ môi trường làng nghề.

2. Thực thi có hiệu quả các công cụ quản lý môi trường

a) Triển khai toàn diện việc điều tra, đánh giá, phân loại mức độ ô nhiễm các cơ sở, hộ gia đình làng nghề nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đánh giá theo loại hình sản xuất và tiềm năng gây ô nhiễm và cập nhật hàng năm nhằm theo dõi đánh giá kịp thời các làng nghề ô nhiễm. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cập nhật, quản lý và chia sẻ thông tin ô nhiễm môi trường làng nghề quy mô toàn Thành phố, triển khai hệ thống xuống cấp huyện và xã.

b) Triển khai công tác điều tra, đánh giá phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường.

c) Quản lý hiệu quả việc thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của các cơ sở trong làng nghề; kiểm soát chặt chẽ việc phát sinh và xử lý chất thải nguy hại từ cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời việc quản lý chất thải nguy hại trái với các quy định của pháp luật.

d) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường tại các làng nghề, đặc biệt theo dõi thường xuyên, liên tục đối với các làng nghề hiện đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

đ) Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp, liên ngành, trực tuyến phục vụ quản lý, phát triển và bảo vệ môi trường làng nghề.

e) Triển khai nhân rộng việc đăng ký và tham gia hương ước, quy ước của các làng nghề.

g) Tổ chức quản lý chặt chẽ việc hình thành và công nhận các làng nghề mới, rà soát lại danh mục các làng nghề đã được công nhận đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường. Đối với các làng nghề đã được công nhận nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cần lập kế hoạch để khắc phục với lộ trình cụ thể trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

h. Tổ chức triển khai kiểm tra rà soát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với các khu cụm công nghiệp; lập phương án, kế hoạch cụ thể để điều chỉnh bổ sung và hoàn thiện hạ tầng các khu cụm công nghiệp đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường. Đề xuất di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

i. Ưu tiên phân bổ không thấp hơn 10% tổng kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề, ưu tiên cho các địa phương có làng nghề truyền thống và làng nghề được công nhận.

k. Tăng cường vai trò thẩm định, đóng góp ý kiến và tham mưu về bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc phối hợp với các sở, địa phương liên quan triển khai quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

l. Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề theo hướng tập trung khuyến khích nguồn góp vốn của các doanh nghiệp, hộ gia đình, cơ sở sản xuất hoạt động trong các làng nghề nhằm tăng tính trách nhiệm của các thành phần sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trong công tác bảo vệ làng nghề. Bố trí kinh phí từ ngân sách xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề truyền thống, cần được bảo tồn và cơ chế hỗ trợ 100% kinh phí cho một số làng nghề có mức độ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng xây dựng công trình trạm xử lý nước thải đầu mối của khu thu gom xử lý nước thải tập trung; khu tập kết chất thải rắn cho các doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hộ gia đình đầu tư xây dựng mới công trình xử lý nước thải, chất thải tập trung tại các làng nghề có mức độ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do nước thải, chất thải gây ra, có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và nằm trong kế hoạch thực hiện hàng năm.

3. Triển khai các mô hình công nghệ, các biện pháp kỹ thuật nhằm định hướng cho việc xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề

a. Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề như hệ thống tiêu thoát nước, các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn, các điểm thu gom an toàn đối với chất thải nguy hại (lồng ghép với chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

b. Tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp hoặc xây mới hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho cụm công nghiệp đang hoạt động chưa có hệ thống xử lý chất thải, các làng nghề được công nhận, ưu tiên các làng nghề truyền thống.

c. Nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng các công nghệ tiên tiến, phù hợp để xử lý, nước thải, khí thải, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn phù hợp quy mô và đặc thù làng nghề, ưu tiên các loại hình sản xuất tiềm ẩn ô nhiễm nghiêm trọng, các làng

nghề ưu tiên xử lý, các làng nghề truyền thống; đánh giá hiệu quả và khả năng nhân rộng các mô hình này.

4. Tăng cường đồng bộ trên các phương tiện truyền thông, đào tạo nâng cao năng lực và nhận thức BVMT

a. Hình thành, phát triển và duy trì hoạt động các tổ chức ngành nghề về thủ công nghiệp, mở rộng mạng lưới hiệp hội làng nghề Hà Nội đến các xã có làng nghề trên địa bàn thành phố; xây dựng các mô hình hợp tác xã hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi ... tham gia bảo vệ môi trường làng nghề.

b. Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường làng nghề, khuyến khích phát huy sáng tạo giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường với cộng đồng làng nghề và các đối tượng liên quan.

c. Triển khai xây dựng chương trình, kế hoạch, thiết lập mạng lưới và tổ chức các chiến dịch truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cộng đồng dân cư liên quan về bảo vệ môi trường làng nghề.

d. Triển khai xây dựng và thực hiện lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình đào tạo nghề nông thôn.

đ. Tăng cường chia sẻ, công khai, phổ biến thông tin cho cộng đồng về thực trạng ô nhiễm và bảo vệ môi trường làng nghề; tham gia các diễn đàn thông tin, triển lãm giới thiệu công nghệ thân thiện môi trường, mô hình thí điểm có tiềm năng áp dụng; phổ biến các sáng kiến khoa học công nghệ thân thiện với môi trường, các giải pháp sản xuất sạch, mô hình bảo vệ môi trường phù hợp với đặc điểm sản xuất của từng loại hình làng nghề.

e. Tổ chức định kỳ thường xuyên các khóa đào tạo, tập huấn về quản lý môi trường làng nghề cho cán bộ các cấp làm công tác quản lý môi trường làng nghề; các khóa đào tạo kỹ năng thực hành đánh giá nhanh, giám sát, cảnh báo và xử lý sự cố môi trường cho cán bộ quản lý môi trường các cấp và đội tự quản bảo vệ môi trường làng nghề.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2018 cần tập trung xây dựng, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực thi các văn bản quy phạm pháp luật; các cơ chế chính sách về quản lý và phát triển làng nghề, về bảo vệ môi trường làng nghề theo nguyên tắc phù hợp với trình độ nhận thức, hài hòa với phong tục tập quán và thói quen của cộng đồng khu vực nông thôn, phù hợp với năng lực tài chính; đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng các chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

b) Triển khai và cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, kế hoạch, quy hoạch, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với các làng nghề phù hợp với điều kiện đặc thù của Thành phố; Theo dõi và xác định các làng nghề ô nhiễm và đề xuất phương án xử lý; Tổ chức thu phí Bảo vệ môi trường; Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường tại làng nghề; Nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp với làng nghề đảm bảo đến năm 2030 cơ bản các làng nghề trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường góp phần phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô bền vững.

c) Triển khai các nhiệm vụ quản lý và phát triển làng nghề theo các nhiệm vụ được UBND Thành phố giao.

d) Quản lý các công nghệ sản xuất nhằm hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề và khu vực dân cư nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

đ) Điều tra, phát hiện, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

e) Triển khai các nhiệm vụ của Đề án; bố trí nguồn nhân lực cần thiết và chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường làng nghề của UBND cấp huyện; UBND cấp xã, phường, thị trấn có làng nghề phải bố trí cán bộ chuyên trách quản lý môi trường làng nghề để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và giám sát các cơ sở sản xuất tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

g) Khuyến khích việc xây dựng Hương ước, Quy ước về bảo vệ môi trường làng nghề, trong đó cụ thể hóa các quy định của pháp luật về BVMT phù hợp với điều kiện của thành phố Hà Nội, tiến tới triển khai thành quy định bắt buộc đối với các hộ, cơ sở sản xuất làng nghề.

h) Xây dựng, thử nghiệm các mô hình và hoàn thiện cơ chế thu hút đầu tư xã hội, thông qua BOT, BOO, BO, PPP đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện BVMT làng nghề.

i) Chủ động phối hợp với các ban ngành của Hội đồng Nhân dân Thành phố, các ngành chức năng kiểm tra, rà soát các nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 31/5/2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về “tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”; Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND, ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố về “chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014 – 2020; chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội để đảm bảo tính thống nhất.

2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức

a) Công bố danh sách các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến, tuyên truyền các mô hình làng nghề thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường chia sẻ, công khai, phổ biến thông tin cho cộng đồng về thực trạng ô nhiễm và bảo vệ môi trường làng nghề.

b) Thường xuyên giáo dục và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường. Tạo cơ chế khuyến khích cộng đồng làng nghề tham gia phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường nói chung và đóng góp, ủng hộ việc triển khai thực hiện Đề án.

c) Giao trách nhiệm cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các đoàn thể xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

d) Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức bảo vệ môi trường cho các cán bộ quản lý môi trường tại địa phương, cộng đồng dân cư địa phương có làng nghề và người trực tiếp sản xuất kinh doanh tại các làng nghề.

đ) Hàng năm tổ chức khen thưởng các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

3. Nhóm giải pháp về quy hoạch, di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất

a. Quy hoạch lại sản xuất

Áp dụng một trong số các hình thức sau, tùy thuộc đặc điểm thực tế của địa phương:

- Quy hoạch tập trung theo cụm công nghiệp: quy hoạch cơ sở hạ tầng đồng bộ bao gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống thu gom và xử lý chất thải; Quy hoạch khu sản xuất phù hợp với đặc thù loại hình làng nghề.

- Quy hoạch phân tán (quy hoạch sản xuất ngay tại hộ gia đình): với loại hình quy hoạch này cần phải tổ chức bố trí không gian nhằm cải thiện điều kiện sản xuất và vệ sinh môi trường mà không cần phải di dời, hạn chế tối đa việc coi nới, xây nhà cao tầng... lưu giữ nét cổ truyền, văn hóa của làng nghề để kết hợp với dịch vụ du lịch.

- Quy hoạch phân tán kết hợp tập trung: di dời các công đoạn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như công đoạn tẩy, nhuộm (làng nghề dệt nhuộm), công đoạn mạ thuộc làng nghề cơ khí... vào khu, cụm công nghiệp.

b. Chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời vào khu, cụm công nghiệp tập trung

- Lập danh mục các làng nghề cần có lộ trình chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời, trước mắt tập trung vào nhóm loại hình tái chế giấy, tái chế nhựa, cơ kim khí, nhuộm, giết mổ và làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch di dời hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất với lộ trình phù hợp.

- Đối với các làng nghề, các cơ sở sản xuất trong làng nghề cần chuyển đổi ngành nghề sản xuất, địa phương phải lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững để nghiên cứu, định hướng ngành nghề chuyển đổi và tổ chức các khóa đào tạo nghề phục vụ cho việc chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

- Các làng nghề, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu vực dân cư nông thôn cần di dời vào khu, cụm công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất,... và phải tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường đối với khu, cụm công nghiệp tập trung.

4. Nhóm giải pháp về tài chính

a) Đảm bảo phân bổ không dưới 10% tổng kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề của Thành phố trên cơ sở các chương trình dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổng kinh phí thực hiện Đề án được xác định trên cơ sở kinh phí của từng nhiệm vụ cụ thể theo kế hoạch thực hiện Đề án bảo vệ môi trường làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách, lập dự toán kinh phí thực hiện theo tính chất từng nhiệm vụ bố trí từ Ngân sách Thành phố: chi thường xuyên (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, sự nghiệp môi trường, chi hành chính); vốn đầu tư; vốn chương trình mục tiêu quốc gia; tổng hợp trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

c) Nguồn vốn thực hiện Đề án, bao gồm:

+ Ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp quận, huyện, thị xã theo phân cấp quản lý ngân sách không quá 10%;

+ Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành;

+ Nguồn vốn đóng góp từ các cơ sở sản xuất hoạt động trong làng nghề;

+ Nguồn vốn khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

+ Các nguồn vốn hợp tác quốc tế khác.

d) Triển khai có hiệu quả chính sách vay vốn ưu đãi để thay đổi công nghệ theo hướng thân thiện môi trường, công nghệ sản xuất sạch hơn, các công nghệ tiên tiến, phù hợp để xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.

e) Định hướng xây dựng cơ chế và ưu tiên thu hút các dự án triển khai theo mô hình (BO, BOO, BOT, PPP, FDI, xã hội hoá) đầu tư 90%.

5. Nhóm giải pháp về nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và tăng cường hợp tác quốc tế.

a) Tăng cường kiểm soát công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu tại các làng nghề gây ô nhiễm môi trường làng nghề hiện nay.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, phù hợp cho các hộ, cơ sở sản xuất quy mô nhỏ: vận hành đơn giản, ổn định, tiết kiệm chi phí và xử lý ô nhiễm môi trường đạt hiệu quả cao.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tìm kiếm nguồn lực tài chính và hỗ trợ kỹ thuật trong đổi mới công nghệ sản xuất; nghiên cứu, tìm kiếm, thay đổi nguyên liệu sản xuất và phát triển các loại hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp nông thôn thân thiện với môi trường.

6. Thực hiện lồng ghép Đề án BVMT làng nghề vào các chương trình, đề án có liên quan

Thực hiện lồng ghép, gắn kết Đề án này với các chiến lược, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt đảm bảo tránh trùng lặp như:

- Đề án bảo vệ môi trường làng nghề Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững để hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề sản xuất và xây dựng, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề như hệ thống tiêu thoát nước, các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn;
- Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ-sông Đáy đến năm 2020;
- Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030;
- Dự án tăng cường năng lực thể chế quản lý chất lượng không khí tại Việt Nam.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND Thành phố phân công và giao nhiệm vụ cho các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án, cụ thể như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thực hiện việc rà soát, đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường tại Phụ lục 03 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

Tổ chức quan trắc, giám sát môi trường và thực hiện đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề.

Ban hành danh mục làng nghề ô nhiễm môi trường cần xử lý giai đoạn 2017 – 2020 và giai đoạn 2020-2030, chủ trì hướng dẫn kiểm tra, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố tình hình triển khai thực hiện Đề án.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất thuộc thẩm quyền.

Hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã triển khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đối với các hộ, cơ sở trong làng nghề theo quy định.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn cho cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ môi trường làng nghề, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường làng nghề tại các địa phương.

Hàng năm tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Công thương

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ môi trường trong triển khai chính sách khuyến công; quản lý các khu, cụm công nghiệp làng nghề đảm bảo các quy định về Bảo vệ môi trường, đáp ứng việc di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Xây dựng, hướng dẫn đưa tiêu chí bảo vệ môi trường trong việc xét duyệt công nhận làng nghề và làng có nghề.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường (bao gồm chi bảo vệ môi trường làng nghề) trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, đơn vị báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan tham mưu trình UBND Thành phố các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề vay vốn ưu đãi để thay đổi công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, các công nghệ phù hợp để xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn và chất thải rắn.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch và bố trí vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án do Thành phố quản lý.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Theo chức năng, nhiệm vụ cân đối, bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường làng nghề theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và quy định pháp luật liên quan.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản, chính sách của Thành phố về phát triển ngành, làng nghề nông thôn đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn và chất thải rắn phù hợp với làng nghề và những chế phẩm thân thiện với môi trường để có ứng dụng xử lý phù hợp với môi trường làng nghề.

7. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu quản lý chất thải rắn, thẩm định quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch chuyên ngành.

8. Công an Thành phố

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tăng cường điều tra, phát hiện, ngăn ngừa và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

9. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (có làng nghề)

UBND các quận huyện, huyện, thị xã trực thuộc UBND Thành phố chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn, cụ thể như sau:

a) Chỉ đạo các phòng ban trong công tác phân loại đánh giá mức độ ô nhiễm và xây dựng kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề của địa phương; quản lý việc công nhận làng nghề bảo đảm các điều kiện về BVMT, rà soát Danh sách làng nghề được công nhận, chú trọng đến các tiêu chí về BVMT;

b) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trong công tác quy hoạch hoặc rà soát lại các quy hoạch các khu, cụm công nghiệp để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư; điều tra, thống kê, lập danh mục loại hình hoạt động của các cơ sở trong làng nghề theo nguy cơ gây ô nhiễm; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác BVMT của các cơ sở sản xuất; xây dựng, trình kế hoạch BVMT làng nghề và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

c) Điều tra, thống kê, đánh giá lập danh mục loại hình hoạt động của các cơ sở trong làng nghề theo nguy cơ gây ô nhiễm theo Phụ lục 03 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016.

d) Phân bổ không dưới 10% kinh phí sự nghiệp môi trường được giao cho các công tác bảo vệ môi trường làng nghề; ưu tiên phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác quản lý môi trường, kinh phí từ các nguồn khác để đầu tư, xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

đ) Đôn đốc, phê duyệt, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện và kiểm tra việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

e) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề đối với các hộ, cơ sở và chính quyền cấp xã, phường và thị trấn.

i) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hộ, cơ sở trong làng nghề.

g) Chỉ đạo xây dựng và kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước của làng nghề.

h) Đầu tư, nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề.

k) Hàng năm tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn quận, huyện, thị xã gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Lập, trình Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn để tổ chức thực hiện.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho người dân về trách nhiệm bảo vệ môi trường; hướng dẫn các hộ, cơ sở trong làng nghề tận thu, tái chế, tái sử dụng và xử lý tại chỗ các loại chất thải.

c) Đôn đốc việc xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường làng nghề hoặc hương ước, quy ước làng nghề có nội dung về bảo vệ môi trường.

d) Bố trí cán bộ thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và giám sát các cơ sở sản xuất tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định, khi được bàn giao, tiếp nhận, quản lý các dự án, công trình thuộc kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề; thí điểm hình thành các tổ tự quản về bảo vệ môi trường tại làng nghề do Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thành lập và ban hành quy chế hoạt động, kinh phí một phần do ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo, phần còn lại do các cơ sở sản xuất đóng góp.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, hộ sản xuất trong làng nghề.

e) Công bố thông tin về hiện trạng môi trường, công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên các phương tiện thông tin của địa phương, thông qua các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương và trong các cuộc họp Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

i) Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường làng nghề hàng năm gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã để tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố.

108

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

Phụ lục 1

Danh mục dự án ưu tiên rà soát xử lý môi trường làng nghề

(Kèm theo Quyết định số ~~6136~~ ³⁴/QĐ-UBND ngày ~~31~~ ³¹.~~8~~ ⁸/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030)

	Làng nghề	Địa chỉ	XLNT
A	NHÓM LÀNG NGHỀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM		3/43
1	Làng nghề bánh tẻ thôn Phú Nhi	P. Phú Thịnh, TX. Sơn Tây	
2	Làng nghề chế biến NSTP thôn Chi Nê	X. Trung Hòa, H.Chương Mỹ	
3	Làng nghề chế biến NSTP thôn Bá Nội	X.Hồng Hà, H.Đan Phượng	
4	Làng nghề chế biến NSTP thôn Tháp Thượng	X.Song Phượng, H.Đan Phượng	
5	Làng nghề chế biến NSTP thôn Trúng Đích	X.Hạ Mỗ, H.Đan Phượng	
6	Làng nghề chế biến NSTP thôn Lưu Xá	X.Đức Giang, H.Hoài Đức	
7	Làng nghề bún bánh thôn Cao Xá Hạ	X.Đức Giang, H.Hoài Đức	
8	Làng nghề bánh kẹo, dệt kim La Phù	X.La Phù, H.Hoài Đức	
9	Làng nghề chế biến NSTP Minh Khai	X.Minh Khai, H.Hoài Đức	
10	Làng nghề chế biến NSTP Dương Liễu	X.Dương Liễu, H.Hoài Đức	ĐXD
11	Làng nghề chế biến NSTP Cát Quế	X.Cát Quế, H.Hoài Đức	
12	Làng nghề bánh đa nem thôn Ngự Câu	X.An Thượng, H.Hoài Đức	
13	Làng nghề chế biến LTTP thôn Tân Độ	X.Hồng Minh, H.Phú Xuyên	
14	Làng nghề bún bánh Hòa Khê Hạ	X.Bạch Hạ, H.Phú Xuyên	
15	Làng nghề chế biến NSTP thôn Tân Hòa	X.Tân Hòa, H.Quốc Oai	
16	Làng nghề chế biến tinh bột Cộng Hòa	X. Cộng Hòa, H.Quốc Oai	
17	Làng nghề bún thôn Thanh Lương	X. Bích Hòa, H.Thanh Oai	
18	Làng nghề bún thôn Kỳ Thủy	X. Bích Hòa, H.Thanh Oai	
19	Làng nghề tương, miến thôn Cự Đà	X. Cự Khê, H.Thanh Oai	
20	Làng nghề bánh dày Thượng Đình	X. Nhị Khê, H.Thường Tín	
21	Làng nghề làm bún thôn Bật Chùa	X. Liên Bạt, H.Ứng Hòa	
22	Làng nghề làm bún thôn Bật Trung	X. Liên Bạt, H.Ứng Hòa	
23	Làng nghề làm bún thôn Bật Ngõ	X. Liên Bạt, H.Ứng Hòa	
24	Làng nghề chế biến NSTP thôn Minh Hồng	X. Minh Quang, H.Ba Vì	

25	Làng nghề chế biến lương thực Yên Viên	X. Yên Viên, H.Gia Lâm	
26	Làng nghề chế biến NSTP thôn Yên Sở	X. Yên Sở, H.Hoài Đức	
27	Làng nghề làm đầu thôn Yên Nội	X. Vạn Yên, H.Mê Linh	
28	Làng nghề làm đậu thôn Tiên Đài	X. Vạn Yên, H.Mê Linh	
29	Làng nghề bánh kẹo, phở khô Yên Thị	X. Tiến Thịnh, H.Mê Linh	
30	Làng nghề bánh đa Ngọc Trì	X. Kim Hoa, H.Mê Linh	
31	Làng nghề chế biến lương thực Vân Lôi	X. Tam Đồng, H.Mê Linh	
32	Làng nghề chế biến lương thực Cư An	X. Tam Đồng, H.Mê Linh	
33	Làng nghề chế biến NSTP thôn Hạ Hiệp	X. Liên Hiệp, H.Phúc Thọ	
34	Làng nghề chế biến NSTP thôn Hiếu Hiệp	X. Liên Hiệp, H.Phúc Thọ	
35	Làng nghề chế biến NSTP thôn Linh Chiêu	X. Sen Chiêu, H.Phúc Thọ	
36	Làng nghề miến thôn Cự Đà	X. Thanh Thùy, H.Thanh Oai	
37	Làng nghề miến, bánh đa Hữu Hòa	X. Hữu Hòa, H.Thanh Trì	ĐXD
38	Làng nghề chè lam thôn Thạch	X. Thạch Xá, H.Thạch Thất	
39	Làng nghề bánh kẹo Xuân Đình	X. Xuân Đình, Q.Bắc Từ Liêm	
40	Làng nghề bún bánh Phú Đô	X. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm	ĐXD
41	Làng nghề CBNS Hoàng Trung	X.Hồng Dương, H.Thường Tín	
42	Làng nghề chế biến LTTP My Thượng	X.Thanh Mai, H.Thanh Oai	
43	Làng nghề chế biến LTTP My Hạ	X. Thanh Mai, H.Thanh Oai	
B	NHÓM LÀNG NGHỀ NHUỘM, THUỘC DA		03/08
1	Làng nghề dệt in hoa thôn Ý La	P.Dương Nội, Q.Hà Đông	ĐXD
2	Làng nghề dệt vải thôn La Dương	P.Dương Nội, Q.Hà Đông	ĐXD
3	Làng nghề dệt in hoa thôn La Nội	P.Dương Nội, Q.Hà Đông	ĐXD
4	Làng nghề dệt khăn, dệt len thôn Thanh Thần	X.Thanh Mai, H.Thanh Oai	
5	Làng nghề dệt Đồng Nhân	X.Đông La, H.Hoài Đức	
6	Làng nghề giấy da Giẽ Thượng	X.Phú Yên, H.Phú Xuyên	
7	Làng nghề dệt dũi tơ tằm thôn Công Xuyên	X.Nghiêm Xuyên, H.Thường Tín	
8	Làng nghề dệt Hòa Xá	X.Hòa Xá, H.Ứng Hòa	
C	NHÓM LÀNG NGHỀ THỦ CÔNG, MỸ NGHỆ		0/14
1	Làng nghề lược sừng Thụy Ứng	X. Hòa Bình, H.Thường Tín	
2	Làng nghề mây tre đan thôn Lam Điền	X. Lam Điền, H.Chương Mỹ	

3	Làng nghề mây tre đan thôn Bài Trượng	X. Hoàng Diệu, H. Chương Mỹ	
4	Làng nghề mộc thôn Áng Phao	X. Cao Dương, H. Thanh Oai	
5	Làng nghề mây tre đan Phụ Chính	X. Hòa Chính, H. Chương Mỹ	
6	Làng nghề sơn khảm Đồng Vĩnh	X. Chuyên Mỹ, H. Phú Xuyên	
7	Làng nghề may mặc, khảm trai thôn Ứng Cử	X. Vân Từ, H. Phú Xuyên	
8	Làng nghề may mặc, khảm trai thôn Từ Thuận	X. Vân Từ, H. Phú Xuyên	
9	Làng nghề mây tre đan Đồng Lư	X. Đồng Quang, H. Quốc Oai	
10	Làng nghề nón lá Liên Tân	X. Phương Trung, H. Thanh Oai	
11	Làng nghề mộc thôn Định Quán	X. Hiền Giang, H. Thường Tín	
12	Làng nghề thêu may thôn Gia Khánh	X. Nguyễn Trãi, H. Thường Tín	
13	Làng nghề mây tre đan Hoàng Dương	X. Sơn Công, H. Ứng Hòa	
14	Làng nghề điêu khắc thôn Nhân Hiền	X. Hiền Giang, H. Thường Tín	
D	NHÓM LÀNG NGHỀ TÁI CHẾ CHẤT THẢI SỬ DỤNG		0/1
1	Làng nghề tái chế nhựa Triều Khúc	X. Tân Triều, H. Thanh Trì	
2	Làng nghề dây thừng nhựa Trung Văn	P. Trung văn, Q. Nam Từ Liêm	
E	NHÓM LÀNG NGHỀ GIA CÔNG CƠ KIM KHÍ		1/13
1	Làng nghề rèn thôn Đa Sỹ	P. Kiến Hưng, Q. Hà Đông	Có
2	Làng nghề cơ khí thôn Dụ Tiên	X. Thanh Thùy, H. Thanh Oai	
3	Làng nghề cơ khí thôn Từ Am	X. Thanh Thùy, H. Thanh Oai	
4	Làng nghề cơ khí thôn Thúc Hội	X. Tân Hội, H. Đan Phượng	
5	Làng nghề cơ khí thôn Rùa Thượng	X. Thanh Thùy, H. Thanh Oai	
6	Làng nghề cơ khí thôn Rùa Hạ	X. Thanh Thùy, H. Thanh Oai	
7	Làng nghề cơ khí thôn Gia Vĩnh	X. Thanh Thùy, H. Thanh Oai	
8	Làng nghề cơ khí nông cụ thôn Phùng Xá	X. Phùng Xá, H. Thạch Thất	
9	Làng nghề cơ khí thôn Liễu Nội	X. Khánh Hạ, H. Thường Tín	
10	Làng nghề rèn thôn Vũ Ngoại	X. Liên Bạt, H. Ứng Hòa	
11	Làng nghề cơ khí Đại Tự	X. Kim Chung, H. Hoài Đức	
12	Làng nghề mộc, cơ khí Kim Long Thượng	X. Hoàng Long, H. Phú Xuyên	
13	Làng nghề cơ khí Thôn Liễu Nội	X. Khánh Hà, H. Thường Tín	

PHỤ LỤC 2

Danh mục các dự án ưu tiên bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn đến 2020

(Kèm theo Quyết định số 6136/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030)

TT	Tên đề tài/dự án	Nội dung dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện
I	Nhóm cơ chế, chính sách, kỹ thuật						
1	Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về lĩnh vực bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố Hà Nội phục vụ phân loại và quản lý	- Rà soát, hệ thống hóa các cơ chế, chính sách về lĩnh vực bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đánh giá phân loại làng nghề ô nhiễm; - Bổ sung, hoàn thiện cơ chế thu phí bảo vệ môi trường và tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường làng nghề; - Bổ sung, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức; - Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách xây dựng hương ước về bảo vệ môi trường làng nghề - Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về các chính sách bảo vệ môi trường làng nghề;	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	1.200	Ngân sách thành phố	2017-2018
2	Rà soát, đánh giá, phân loại làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 và các quy định của Bộ TNMT	- Thu thập thông tin, thống kê, kiểm kê về các loại hình sản xuất và mức độ ô nhiễm làng nghề Hà Nội; - Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng ô nhiễm làng nghề; - Thực hiện đánh giá, phân loại các cơ sở trong làng nghề trên địa bàn trên địa bàn các xã/huyện	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	2.000	Ngân sách thành phố	2017-2018

		theo Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục 3 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 và các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.					
3	Nghiên cứu tính khả thi và xây dựng mô hình xã hội hóa và mô hình quản trị cơ sở xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) tại làng nghề Hà Nội	- Nghiên cứu nguyên tắc, kinh nghiệm và tính hiệu quả của một số mô hình hợp tác công tư và mô hình quản trị cơ sở xử lý chất thải tại một số nước trên thế giới; - Điều tra, đánh giá hiện trạng (cơ chế, chính sách, khả năng kêu gọi các nguồn lực xã hội hóa) - Xây dựng mô hình hợp tác công tư và mô hình quản trị cơ sở xử lý chất thải tại làng nghề Hà Nội.	Sở TN&MT	- Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Công thương - UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	800	Ngân sách thành phố	2017-2018
4	Nghiên cứu, đánh giá tính khả thi của mô hình xử lý nước thải theo modul đối với làng nghề khu vực thành phố Hà Nội	- So sánh, đánh giá tính hiệu quả của mô hình xử lý nước thải theo modul với một số mô hình xử lý khác; - Đánh giá tính khả thi của mô hình xử lý nước thải theo modul đối với làng nghề khu vực Hà Nội; - Thử nghiệm tính khả thi của mô hình xử lý nước thải theo modul.	Sở KH&CN	- Sở TN&MT - Các đơn vị có liên quan	500	Ngân sách thành phố	2017-2018
5	Nghiên cứu, đánh giá khả năng tận thu sinh khối, tái sử dụng, tái chế chất thải trong lĩnh vực chế biến lương thực, thực phẩm và da giấy	- Khả năng tận thu sinh khối, tái sử dụng, tái chế chất thải trong lĩnh vực chế biến lương thực, thực phẩm và da giấy; - Quy trình tận thu sinh khối, tái sử dụng, tái chế chất thải trong lĩnh vực chế biến lương thực, thực phẩm và da giấy; - Các giải pháp nhằm triển khai mô hình tận thu sinh khối, tái sử dụng, tái chế chất thải trong lĩnh vực chế biến lương thực, thực phẩm và da giấy.	Sở KH&CN	- Sở TN&MT - Các đơn vị có liên quan	500	Ngân sách thành phố	2017-2018
6	Xây dựng và thực thi chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng tại các làng	- Triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục, nâng cao trách nhiệm và nhận thức cộng đồng làng nghề trong công tác BVMT; - Phối hợp với chính quyền địa phương và đoàn	Sở TN&MT	- Sở Thông tin và Truyền thông - UBND các huyện thị, xã phường	5.000	Ngân sách thành phố	2017-2020

	nghề khu vực thành phố Hà Nội	thể, các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp trong công tác BVMT làng nghề; - Nâng cao nhận thức tuyên truyền xanh - Xây dựng chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng tại các làng nghề khu vực Hà Nội; - Thực hiện chiến lược truyền thông; - Đào tạo, tập huấn tại một số làng nghề ô nhiễm nghiêm trọng; - Tổ chức cuộc thi sáng kiến bảo vệ môi trường làng nghề.		- Các đơn vị có liên quan			
7	Kiểm tra, giám sát hoạt động cải thiện và bảo vệ môi trường làng nghề Hà Nội	- Xây dựng cơ sở dữ liệu trang thông tin điện tử chia sẻ công khai thông tin ô nhiễm làng nghề và công tác bảo vệ môi trường - Cập nhật thông tin - Kiểm tra, quan trắc chất lượng môi trường phục vụ công tác giám sát hoạt động cải thiện và bảo vệ môi trường làng nghề. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề hoặc cơ sở sản xuất nằm xen kẽ trong khu vực dân cư nông thôn và xử lý vi phạm về BVMT làng nghề	Sở TN&MT	- Sở công thương - UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	20.000	Ngân sách thành phố	2018-2020
8	Đầu tư các Trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp	20 cụm công nghiệp theo Quyết định 6230/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND Thành phố	Sở Công thương-BQL đầu tư phát triển cụm điểm công nghiệp tiêu thụ công nghiệp Hà Nội	- Sở TN&MT - UBND các huyện thị, xã phường	100.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	2017-2030

II	Nhóm dự án cấp bách						
1	Triển khai xây dựng hệ thống quan trắc tự động (phần cứng, phần mềm điều khiển) để kiểm soát ô nhiễm làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội	- Phần thiết bị chính: thiết bị quan trắc và trung tâm dữ liệu - Chi phí đào tạo hướng dẫn chuyển giao công nghệ và vận hành thử - Chi phí thuê tư vấn quốc tế và trong nước - Chi phí thẩm tra dự toán - Chi phí giám sát - Tích hợp vào hệ thống quan trắc chung của Thành phố	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	90.000	Ngân sách thành phố	2018-2020
2	Xây dựng hệ thống các điểm thu gom, lưu trữ rác thải, chất thải, tại các làng nghề để vận chuyển tới các điểm xử lý trên địa bàn thành phố Hà Nội	- Quy hoạch hệ thống thu gom, lưu trữ - Xây dựng hệ thống thu gom, lưu trữ - Triển khai thí điểm hệ thống thu gom, lưu trữ	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Sở Quy hoạch – kiến trúc - Các đơn vị có liên quan	10.000	Ngân sách thành phố	2018-2020
3	Đầu tư, xây dựng và vận hành quy trình công nghệ công nghệ xử lý môi trường làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm	- Phần thiết bị chính: thiết bị xử lý mô đun và thiết bị xử lý vi sinh - Chi phí đào tạo hướng dẫn chuyển giao công nghệ và vận hành thử - Chi phí thuê tư vấn quốc tế và trong nước - Chi phí thẩm tra dự toán - Chi phí giám sát - Nghiên cứu ứng dụng tích hợp công nghệ xử lý mô-đun - vi sinh, áp dụng xử lý mùi (công suất 1000m3/ngày-1 làng)	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	500.000	Ngân sách thành phố và các nguồn khác	2018-2020
4	Đầu tư, xây dựng và vận hành quy trình công nghệ xử lý môi trường làng nghề nhuộm, thuộc da	- Phần thiết bị chính: thiết bị xử lý mô đun và thiết bị xử lý hóa học - Chi phí đào tạo hướng dẫn chuyển giao công nghệ và vận hành thử - Chi phí thuê tư vấn quốc tế và trong nước - Chi phí thẩm tra dự toán - Chi phí giám sát	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	140.000	Ngân sách thành phố và nguồn	2018-2020

		- Nghiên cứu ứng dụng tích hợp công nghệ xử lý mô-đun - hóa học (công suất 1000m3/ngày- 1 làng)				khác	
5	Đầu tư, xây dựng và vận hành quy trình công nghệ xử lý môi trường làng nghề chăn nuôi, giết mổ gia súc	- Phân thiết bị chính: thiết bị xử lý mô đun và thiết bị xử lý vi sinh, mùi - Chi phí đào tạo hướng dẫn chuyển giao công nghệ và vận hành thử - Chi phí thuê tư vấn quốc tế và trong nước - Chi phí thẩm tra dự toán - Chi phí giám sát - Nghiên cứu ứng dụng tích hợp công nghệ xử lý mô-đun - vi sinh – mùi (công suất 2000m3/ngày – 1 làng)	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	21.000	Ngân sách thành phố	2018-2020
	TỔNG				891.000 (891 tỷ đồng)		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ GIAI ĐOẠN 2020-2030

(Kèm theo Quyết định số 6136/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030)

TT	Tên dự án/đề tài	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo vệ môi trường làng nghề để triển khai đồng bộ, hiệu quả và bền vững	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	10.000	2020-2025
2	Hỗ trợ về cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp và tổ chức để tiến hành phân loại, tái chế chất thải; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	12.000	2020-2025
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp, liên ngành, trực tuyến phục vụ quản lý, phát triển và bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	15.000	2020-2025
4	Tiếp tục triển khai mạng lưới hệ thống quan trắc tự động sử dụng công nghệ quan trắc nhanh, ứng dụng cảm biến sinh học, các loại cảm biến mới, cho nguồn nước cấp và nước thải tại các làng nghề Hà Nội	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường; -	50.000	2020-2025
5	Đầu tư, xây dựng và vận hành quy trình công nghệ xử lý môi trường làng nghề thủ công, mỹ nghệ sử dụng tích hợp công nghệ xử lý mô-đun - hóa học chuyên biệt cho các chất sơn mài, các chất phẩm phụ gia	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	252.000	2020-2025



6	Đầu tư, xây dựng và vận hành quy trình công nghệ xử lý môi trường làng nghề tái chế chất thải sử dụng tích hợp công nghệ xử lý mô-đun, công nghệ thu hồi các chất có thể tái sử dụng	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	48.000	2020-2025
7	Đầu tư, xây dựng và vận hành quy trình công nghệ xử lý môi trường làng nghề gia công cơ kim khí sử dụng tích hợp công nghệ xử lý mô-đun - hóa học	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	288.000	2020-2025
8	Chi phí quản trị, tư vấn liên quan đến nhân rộng xử lý chất thải rắn/nước thải/khí thải tại các làng nghề theo mô hình hợp tác công tư	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường - Các đơn vị có liên quan	30.000	2020-2030
9	Cải tạo phục hồi môi trường làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng do nước thải và chất thải rắn theo mô hình hợp tác công tư	Sở TN&MT	- UBND các huyện thị, xã phường; - Các đơn vị có liên quan	30.000	2025-2030
TỔNG				735.000 (735 tỷ đồng)	